

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
KHOA SƯ PHẠM
BỘ MÔN GIÁO DỤC TIỂU HỌC**



**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
& CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**

CỬ NHÂN GIÁO DỤC TIỂU HỌC

Cần Thơ, 2019

MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC

I. Mô tả chương trình đào tạo

Căn cứ Quyết định số 3019/QĐ-ĐHCT ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học được mô tả như sau:

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (tiếng Việt)	Giáo dục Tiểu học
Tên chương trình (tiếng Anh)	Primary Education
Mã số ngành đào tạo	7140202
Trường cấp bằng	Trường Đại học Cần Thơ
Tên gọi văn bằng	Cử nhân Giáo dục Tiểu học
Trình độ đào tạo	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu	141 tín chỉ
Hình thức đào tạo	Chính quy
Thời gian đào tạo	4 năm
Đối tượng tuyển sinh	Học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
Thang điểm đánh giá	Thang điểm 4
Điều kiện tốt nghiệp	- Tích lũy đủ các học phần và số tín chỉ qui định trong chương trình đào tạo (đạt 141 tín chỉ); điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên (theo thang điểm 4); - Hoàn thành các học phần điều kiện. Ngoài ra, điểm trung bình chung các học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh phải đạt từ 5,0 trở lên (theo thang điểm 10); - Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỉ luật ở mức đình chỉ học tập trong năm học cuối.
Vị trí việc làm	- Làm giáo viên dạy tại các trường tiểu học và giảng viên trường cao đẳng và đại học có đào tạo giáo viên tiểu học. - Làm chuyên viên và cán bộ quản lý ở các trường học và các cơ sở giáo dục khác; làm nghiên cứu viên, tư vấn tâm lý cho các trường học và các trung tâm nghiên cứu khoa học giáo dục.
Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp	- Có năng lực học tập suốt đời; có đủ kiến thức để học lên bậc thạc sĩ, tiến sĩ ngành giáo dục tiểu học, quản lý giáo dục

	và khoa học giáo dục ở trong và ngoài nước và các ngành có liên quan đến chuyên ngành được đào tạo. - Có khả năng thực hiện được các đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến lĩnh vực chuyên môn và hướng dẫn học sinh làm nghiên cứu khoa học.
Chương trình tham khảo khi xây dựng	- Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên GDPT - Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của TT chính phủ về Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam. - TT 07/2015/TT-BGDĐT ngày 14/4/2015 về Ban hành quy định khối lượng kiến thức tối thiểu; - Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể (2018) và Chương trình giáo dục phổ thông các môn học (2018). - Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của Chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông và các chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học của Trường ĐHSP Hà Nội; Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh; Chuẩn đào tạo GV tiểu học của Singapore; Anh, Hàn Quốc.
Thời gian cập nhật bản mô tả	Tháng 12 năm 2019

2. Mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình Giáo dục tiểu học trình độ đại học đào tạo đội ngũ giáo viên tiểu học có đầy đủ năng lực chuyên môn nghề nghiệp, có khả năng tự học và làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề giáo dục thuộc lĩnh vực chuyên môn đáp ứng yêu cầu chuẩn nghề nghiệp giáo viên và Chương trình giáo dục phổ thông; có khả năng tiếp cận và ứng dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật vào giảng dạy và phát triển chuyên môn; có đầy đủ thể lực, phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học để học tiếp ở bậc học cao hơn, nhằm phục vụ yêu cầu phát triển của đất nước và hội nhập quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học trình độ đại học:

a. Trang bị cho sinh viên kiến thức lý luận chính trị, pháp luật, quốc phòng an ninh, triết học, lịch sử, văn hoá, xã hội, môi trường và vận dụng sáng tạo trong thực tiễn cuộc sống.

b. Hình thành và phát triển các năng lực chung: tự học, tự chủ và giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác, nghiên cứu khoa học, phản biện, tư vấn học đường, đánh giá, tham gia hoạt động xã hội và thích ứng với môi trường đa văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa.

c. Hình thành và phát triển các năng lực chuyên môn đặc thù liên quan đến chuyên ngành tiểu học để đảm nhiệm công tác dạy học và giáo dục cho học sinh tiểu học đáp ứng chuẩn nghề nghiệp giáo viên và chương trình giáo dục phổ thông.

d. Có năng lực sử dụng ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông phù hợp với chuyên ngành làm công cụ học tập, nghiên cứu khoa học.

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Hoàn thành chương trình đào tạo Giáo dục Tiểu học trình độ đại học, người học có khả năng:

3.1. Kiến thức

3.1.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương

a. Mô tả và khái quát hóa các kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, khoa học xã hội và pháp luật; giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng - an ninh, các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam và vận dụng vào thực tiễn.

b. Sử dụng tiếng Việt chuẩn mực, hiệu quả trong giao tiếp hằng ngày và trong hoạt động chuyên môn;

c. Có năng lực ngoại ngữ về tiếng Anh hoặc tiếng Pháp tương đương trình độ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (B1 theo khung tham chiếu Châu Âu).

3.1.2. Khối kiến thức cơ sở ngành

a. Phân tích, mô tả và vận dụng được kiến thức về khoa học giáo dục, tâm lý học lứa tuổi, tâm lý học sư phạm trong công tác giảng dạy bậc tiểu học; các xu hướng dạy học hiện đại và các nguyên tắc thiết kế chương trình học trong trường tiểu học.

b. Vận dụng được các phương pháp và kỹ thuật dạy học, các phương pháp kiểm tra và đánh giá, các phương pháp nghiên cứu khoa học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh tiểu học.

c. Xác định vai trò, nhiệm vụ, tầm quan trọng của công tác chủ nhiệm lớp và tư vấn học đường; vai trò của nhà trường, gia đình, xã hội trong việc giáo dục học sinh.

3.1.3. Khối kiến thức chuyên ngành

a. Nhận diện và phân tích các tác phẩm văn học dành cho thiếu nhi thuộc các loại thể khác nhau; kiến thức về ngôn ngữ học tiếng Việt và các phương pháp dạy học tiếng Việt.

b. Trang bị cơ sở toán học và xác định các vấn đề trọng tâm trong dạy học toán ở tiểu học; giải thích được mối quan hệ giữa toán học và cuộc sống, giữa toán học và các môn khoa học khác; có kiến thức về các phương pháp dạy học toán ở tiểu học.

c. Trang bị kiến thức tự nhiên - xã hội, đạo đức, môi trường, văn hóa nghệ thuật.

3.2. Kỹ năng

3.2.1. Kỹ năng cứng

a. Phát triển chuyên môn bản thân: chủ động nghiên cứu, cập nhật kịp thời yêu cầu đổi mới về kiến thức chuyên môn; vận dụng sáng tạo, phù hợp các hình thức, phương pháp và lựa chọn nội dung học tập, bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn của bản thân; hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp và chia sẻ kinh nghiệm về phát triển chuyên môn của bản thân nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

b. Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; chủ động điều chỉnh kế hoạch dạy học và giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương; hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp trong việc xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục.

c. Sử dụng phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; chủ động cập nhật, vận dụng linh hoạt và hiệu quả các phương pháp dạy học và giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới, phù hợp với điều kiện thực tế; hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp về kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm vận dụng những phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

d. Vận dụng các phương pháp kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; chủ động cập nhật, vận dụng sáng tạo các hình thức, phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; biết hướng dẫn, hỗ trợ đồng

nghiệp kinh nghiệm triển khai hiệu quả việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập và sự tiến bộ của học sinh.

e. Vận dụng quy định về công tác tư vấn và hỗ trợ học sinh; thực hiện lồng ghép hoạt động tư vấn, hỗ trợ học sinh trong hoạt động dạy học và giáo dục; thực hiện hiệu quả các biện pháp tư vấn và hỗ trợ phù hợp với từng đối tượng học sinh trong hoạt động dạy học và giáo dục; biết hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp kinh nghiệm triển khai hiệu quả hoạt động tư vấn và hỗ trợ học sinh trong hoạt động dạy học và giáo dục.

3.2.2. Kỹ năng mềm

a. Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học và khai thác các thiết bị công nghệ vào dạy học; sử dụng được các kỹ năng ngoại ngữ để giao tiếp và đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành phục vụ cho nghề nghiệp và phát triển chuyên môn.

b. Thể hiện năng lực phân tích, tổng hợp so sánh; phản biện và kỹ năng học tập suốt đời; làm việc độc lập, sáng tạo và hợp tác; tìm và xử lý thông tin từ nhiều nguồn khác nhau để nâng cao trình độ và hiệu quả công tác; đề ra chương trình hành động cho bản thân nhằm nâng cao năng lực chuyên môn và nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

c. Xây dựng và phát triển mối quan hệ nhà trường - gia đình - xã hội và các bên liên quan để giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, dân chủ, phòng chống bạo lực học đường; xây dựng môi trường văn hóa và phát huy dân chủ trong nhà trường.

d. Có năng lực giao tiếp tốt trong môi trường làm việc và học tập đa văn hóa.

3.3. Thái độ/Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân

a. Hình thành ý thức kỉ luật, tác phong học tập và làm việc chuyên nghiệp; tuân thủ pháp luật và quy định của ngành; thể hiện tinh thần trách nhiệm đối với tổ quốc, với gia đình và bản thân và cộng đồng quốc tế.

b. Thể hiện đạo đức nghề nghiệp giáo viên; sự tự tin, tình yêu nghề nghiệp và sự thích nghi cao độ đối với sự thay đổi; duy trì và tạo dựng vị thế người GV trong công cuộc phát triển, kiến thiết đất nước; duy trì và hỗ trợ và hợp tác với đồng nghiệp.

c. Chấp nhận các quan điểm khác biệt trong tranh luận, phản biện; thể hiện sự đồng cảm và chia sẻ với đồng nghiệp và cộng đồng; bảo vệ quan điểm cá nhân một cách tích cực.

d. Thể hiện trách nhiệm của bản thân trong công tác đào tạo và tự đào tạo; bồi dưỡng và tự bồi dưỡng chuyên môn phục vụ cho nhu cầu phát triển của đất nước.

4. Tiêu chí tuyển sinh

Căn cứ theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Cần Thơ.

5. Ma trận mối quan hệ mục tiêu, chuẩn đầu ra và học phần

5.1. Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu đào tạo	Chuẩn đầu ra (3)																				
	Kiến thức (3.1)									Kỹ năng (3.2)									Thái độ (3.3)		
	Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)			Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)			Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)			Kỹ năng cứng (2.2.1)					Kỹ năng mềm (2.2.2)				Tinh thần công dân (a)	Đạo đức nghề nghiệp (b)	Đạo đức cá nhân (c)
	a	b	c	a	b	c	a	b	c	a	b	c	d	e	a	b	c	d			
2.2.a	3	1	1																3		3
2.2.b	2	1		1	3	2		1	1	2	1	1				3	2	1		2	2
2.2.c				1	3	2		2	2	1	3	3	3	2		2	1	1		3	1
2.2.d		1	3	1	2	1	1	2	1	2	2	1	2	1	3					1	

5.2. Ma trận mối quan hệ giữa các học phần với chuẩn đầu ra

Học phần			Chuẩn đầu ra (2)																					
			Kiến thức (2.1)									Kĩ năng (2.2)									Thái độ (2.3)			
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)	Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)			Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)			Kĩ năng cứng (2.2.1)					Kĩ năng mềm (2.2.2)									
				a	b	c	a	b	c	a	b	c	d	e	a	b	c	d	a	b				
Khối kiến thức đại cương																								
1	QP010	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	3																		3			
2	QP011	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	3																		3			
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	3																		3			
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	3																		3			
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	3																					
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)			3											3								
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)			3											3								
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)			3											3								
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)			3											3								
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)			3											3								
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)			3											3								

Học phần			Chuẩn đầu ra (2)																			
			Kiến thức (2.1)									Kĩ năng (2.2)								Thái độ (2.3)		
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)	Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)			Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)			Kĩ năng cứng (2.2.1)					Kĩ năng mềm (2.2.2)							
a	b	a	b	c	a	b	c	a	b	c	d	e	a	b	c	d	a	b	c	d		
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)			3										3							
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)			3										3							
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)			3										3							
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)			3										3							
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)			3										3							
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)			3										3							
18	TN033	Tin học căn bản (*)		1											3							
19	TN034	TT.Tin học căn bản (*)		1											3							
20	ML014	Triết học Mác-Lênin	3																			
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	3																			
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3																			
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3																			
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3													1			1	2	3	
25	KL001	Pháp luật đại cương	3													1			3			
26	ML007	Logic học đại cương	3													1						
27	XH028	Xã hội học đại cương	3													1						
28	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3													1						
29	XH012	Tiếng Việt thực hành		3											3							
30	XH014	Văn bản và lưu trữ đại cương		3											3							
31	KN001	Kỹ năng mềm													2	3						
32	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp																				
33	SP009	Tâm lý học đại cương															3	2			2	
34	SG011	Quản lý HCNN và quản lý ngành GD&ĐT	3																1			
Khối kiến thức cơ sở ngành																						
35	SG113	Tâm lý học sư phạm giáo dục Tiểu học				3		2									2			1		
36	SP049	Giáo dục học - GDTH				3		2									2			1		
37	SG394	Giáo dục hòa nhập				2		3									2			2	1	
38	SG115	Hoạt động giáo dục trong nhà trường tiểu học				2	1	3									2					
39	SG116	Đánh giá kết quả học tập giáo dục tiểu học				2	3	1														

Học phần			Chuẩn đầu ra (2)																				
			Kiến thức (2.1)									Kĩ năng (2.2)								Thái độ (2.3)			
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)	Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)			Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)			Kĩ năng cứng (2.2.1)					Kĩ năng mềm (2.2.2)								
a	b	a	b	c	a	b	c	a	b	c	d	e	a	b	c	d	a	b	c	d			
40	SP439	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục					2									1						1	
41	SG430	Phát triển chương trình giáo dục tiểu học				1																	
42	SG418	Lí luận dạy học giáo dục - Tiểu học				2		1															
43	SG114	Giáo dục so sánh và giáo dục bền vững				x																	
44	SG120	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học GDTH														3	1						
45	SP076	Rèn luyện chữ viết - GDTH							2								1						
46	SG123	Tập giảng Văn giáo dục tiểu học							3			1	3	2			1	2	1	1		2	1
47	SG124	Tập giảng Toán giáo dục tiểu học								3		1	3	2			1	2	1	1		2	1
48	SG127	Thực tế ngoài trường ở tiểu học		1	2				1	1	3	1				2		1	2	2	3	2	1
49	SG128	Môi trường và giáo dục môi trường ở tiểu học									3								2		1		2
50	SG129	Sinh lý và bệnh lý trẻ em giáo dục tiểu học									3								2		1		2
51	SP597	Kiến tập sư phạm		2	2		3	2	2	2	2	1	2	2	1	1	1	2				1	2
52	SP598	Thực tập Sư phạm		3	1		3	2	3	3	3	2	3	3	3	3	2	3	2	1		3	2
Khối kiến thức chuyên ngành																							
53	SP061	Lý thuyết tập hợp và logic toán								3								1					1
54	SP129	Số học								3								1					1
55	SP199	Toán sơ cấp - GDTH								3								1					1
56	SP132	Xác suất thống kê - GDTH								3								1					1
57	SG221	Tiếng Việt giáo dục Tiểu học 1		2					3									1					1
58	SG222	Tiếng Việt giáo dục Tiểu học 2		2					3									1					1
59	SG425	Văn học thiếu nhi		2					3									1					1
60	SG399	Dạy học tác phẩm văn học theo thể loại - Tiểu học		2					3				1	2				1					1
61	SP056	PPDH Tiếng Việt giáo dục Tiểu học 1		2					3				2	3	1			2	1				1
62	SG224	PPDH Tiếng Việt giáo dục Tiểu học 2		2					3				2	3	1			1	1				1
63	SG223	Kỹ thuật và phương pháp dạy học kỹ thuật giáo dục TH		2							2		2	3	1			1	1				1
64	SP062	Đạo đức và PPDH đạo đức		2							3			2	3	1			1	1			1
65	SP336	Phương pháp dạy học toán - GDTH 1								3				2	3	1			1				1
66	SG226	Phương pháp dạy học toán – GDTH 2								3				2	3	1			1				1

Học phần			Chuẩn đầu ra (2)																			
			Kiến thức (2.1)									Kĩ năng (2.2)									Thái độ (2.3)	
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)			Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)			Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)			Kĩ năng cứng (2.2.1)					Kĩ năng mềm (2.2.2)					
a	b	a	b	c	a	b	c	a	b	c	d	e	a	b	c	d	a	b	c	d		
67	SG227	Cơ sở tự nhiên xã hội 1						3	2							1						
68	SG228	Cơ sở tự nhiên xã hội 2	1						2							1						
69	SG438	Phương pháp dạy học khoa học tự nhiên và xã hội	1						2		2	3	1		2	1	2				1	
70	SP118	Anh văn chuyên ngành tiểu học			3										3	1		2	2		1	
71	SG122	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm ở tiểu học				1				1	2	3			1	1						
72	SG406	Dạy học trải nghiệm - Tiểu học					1				1	2	1	3		1				2	1	
73	SG375	Phương pháp công tác đội giáo dục Tiểu học		1							1				2			2		1		
74	SP071	Rèn kỹ năng thực hành Tiếng Việt		2				2				1	1			1			2			
75	SG234	Dạy học giải toán có lời văn ở tiểu học		1					2							1	1					
76	SP067	Phát triển năng lực cảm thụ qua dạy học văn		2				3							2	1						
77	SP069	Phát triển năng lực tư duy qua dạy toán						3							2	1						
78	SG401	Luận văn tốt nghiệp		2		1	2		3	3	3					3	2				1	2
79	SG351	Tiểu luận tốt nghiệp		2		1	2		3	3	3					3	2				1	2
80	SG233	Trò chơi sư phạm trong dạy học toán ở tiểu học							3						2	1						
81	SP058	Mỹ thuật và PPDH Mỹ thuật ở Tiểu học									2		2	3	1		2	1	2			1
82	SG225	Âm nhạc và PPDH Âm nhạc ở tiểu học									2		2	3	1		2	1	2			1
83	SP072	Phân tích tác phẩm văn học dân gian trong trường tiểu học						3							2	1						
84	SG400	Dạy học Tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số		1					3				2	3	1			2	1			
85	SG235	Dạy học chính tả ở tiểu học theo đặc điểm phương ngữ		2					3				2	3	1			2	1			

Ghi chú: 1, 2, 3 là mức độ đóng góp của mỗi học phần trong chương trình đào tạo.

Mức độ đóng góp:

1. Giới thiệu - làm quen: Người học biết và trình bày được kiến thức một cách sơ lược; thực hiện được kỹ năng ở mức độ lặp lại được thao tác.
2. Vận dụng/Tăng cường: Người học hiểu và vận dụng được kiến thức; thực hiện được các kỹ năng ở mức độ thao tác.
3. Thông thạo: Người học vận dụng kiến thức và kỹ năng ở mức độ thông thạo

II. Mô tả chương trình dạy học

Căn cứ Quyết định số 3019/QĐ-ĐHCT ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, Chương trình dạy học ngành Giáo dục Tiểu học được mô tả như sau:

1. Cấu trúc chương trình dạy học

Khối lượng kiến thức toàn khóa : 141 tín chỉ

Khối kiến thức giáo dục đại cương : 43 tín chỉ (Bắt buộc: 28 tín chỉ; Tự chọn: 15 tín chỉ)

Khối kiến thức cơ sở ngành : 35 tín chỉ (Bắt buộc: 33 tín chỉ; Tự chọn: 2 tín chỉ)

Khối kiến thức chuyên ngành : 63 tín chỉ (Bắt buộc: 49 tín chỉ; Tự chọn: 14 tín chỉ)

2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện
Khối kiến thức Giáo dục đại cương										
1	QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		30		Bố trí theo nhóm ngành		
2	QP007	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		30		Bố trí theo nhóm ngành		
3	QP008	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	3	3		20	65	Bố trí theo nhóm ngành		
4	QP009	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	1	1		10	10	Bố trí theo nhóm ngành		
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90			I,II,III
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		10TC nhóm AV hoặc nhóm PV	60				I,II,III
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45		XH023		I,II,III
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45		XH024		I,II,III
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60		XH025		I,II,III
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45		XH031		I,II,III
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45		XH032		I,II,III
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4			60				I,II,III
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		FL001		I,II,III
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3			45		FL002		I,II,III
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4			60		FL003		I,II,III
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3			45		FL007		I,II,III
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3			45		FL008		I,II,III
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15				I,II,III
19	TN034	TT.Tin học căn bản (*)	2	2			60		TN033	I,II,III
20	ML014	Triết học Mác-Lênin	3	5		45				I,II,III
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2		30		ML009		I,II,III
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML010		I,II,III
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML006		I,II,III
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30				
25	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30				I,II,III
26	ML007	Logic học đại cương	2		2	30				I,II,III
27	XH028	Xã hội học đại cương	2			30				I,II,III
28	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30				I,II,III
29	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30				I,II,III
30	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30				I,II,III
31	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20			I,II,III
32	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20			I,II,III
33	SP009	Tâm lý học đại cương	2	2		30				I,II,III
34	SG011	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành GD&ĐT	2	2		30				I,II,III
Cộng: 43 TC (Bắt buộc 28 TC; Tự chọn: 15 TC)										
Khối kiến thức cơ sở ngành										
35	SG113	Tâm lý học sư phạm giáo dục Tiểu học	2	2		30		SP009		I,II
36	SP049	Giáo dục học – GDTH	3	3		45		SP113		I,II
37	SG394	Giáo dục hòa nhập	2	2		30				I,II

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện
38	SG115	Hoạt động giáo dục trong nhà trường Tiểu học	2	2		15	30		SP049	I,II
39	SG116	Đánh giá kết quả học tập giáo dục tiểu học	2	2		15	30	SG224, SG226, SG438		I,II
40	SG439	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	2		15	30			I,II
41	SG430	Phát triển chương trình giáo dục Tiểu học	2	2		30				I,II
42	SG418	Lý luận dạy học giáo dục Tiểu học	2	2		30				I,II
43	SG114	Giáo dục so sánh và giáo dục bền vững	2	2		30				I,II
44	SG120	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học GDTH	2		2	15	30			I,II
45	SP076	Rèn luyện chữ viết – GDTH	2			30				I,II
46	SG123	Tập giảng Văn giáo dục tiểu học	2	2			60	SG224		I,II
47	SG124	Tập giảng Toán giáo dục Tiểu học	2	2			60	SG226		I,II
48	SG127	Thực tế ngoài trường giáo dục Tiểu học	1	1			30			I,II
49	SG128	Môi trường và giáo dục môi trường ở Tiểu học	2	2		30				I,II
50	SG129	Sinh lý và bệnh lý trẻ em giáo dục tiểu học	2	2		30				I,II
51	SP597	Kiến tập sư phạm	2	2			60			I,II
52	SP598	Thực tập sư phạm	3	3			90	SP597, SG123, SG124		I,II
Cộng: 35 TC (Bắt buộc 33 TC; Tự chọn: 02 TC)										
Khối kiến thức chuyên ngành										
53	SP061	Lý thuyết tập hợp và logic toán	2	2		30				I,II
54	SP103	Số học	2	2		30				I,II
55	SP199	Toán sơ cấp – GDTH	3	3		45				I,II
56	SP132	Xác suất thống kê – GDTH	2	2		30				I,II
57	SG221	Tiếng Việt 1 giáo dục Tiểu học	3	3		45				I,II
58	SG222	Tiếng Việt 2 giáo dục Tiểu học	3	3		45			SG221	I,II
59	SG425	Văn học thiếu nhi	3	3		45				I,II
60	SG399	Dạy học tác phẩm văn học theo thể loại - Tiểu học	2	2		30				I,II
61	SP056	Phương pháp dạy học tiếng Việt 1 giáo dục Tiểu học	2	2		30				I,II
62	SG224	Phương pháp dạy học tiếng Việt 2 giáo dục Tiểu học	3	3		45			SP056	I,II
63	SG223	Kỹ thuật và phương pháp dạy học kỹ thuật giáo dục TH	2	2		30				I,II
64	SP062	Đạo đức và phương pháp dạy học Đạo đức	2	2		30				I,II
65	SP336	Phương pháp dạy học toán 1 – GDTH	2	2		30				I,II
66	SG226	Phương pháp dạy học toán 2 – GDTH	3	3		45		SP336		I,II
67	SG227	Cơ sở tự nhiên xã hội 1	2	2		30				I,II
68	SG228	Cơ sở tự nhiên xã hội 2	2	2		30			SG227	I,II
69	SG438	Phương pháp dạy học Khoa học tự nhiên và Xã hội	3	3		30	30	SG228		I,II
70	SP118	Anh văn chuyên ngành – GDTH	2	2		30				I,II
71	SG122	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm giáo dục Tiểu học	2	2		30				I,II
72	SG406	Dạy học trải nghiệm - Tiểu học	2	2		15	30			I,II
73	SG375	Phương pháp công tác đội giáo dục tiểu học	2	2		30				I,II
74	SP071	Rèn kỹ năng thực hành Tiếng Việt	2		4	30				I,II
75	SG234	Dạy học giải toán có lời văn ở tiểu học	2			30				I,II
76	SP067	Phát triển năng lực cảm thụ qua dạy học văn	2			30				I,II
77	SP069	Phát triển năng lực tư duy qua dạy học toán	2			30				I,II
78	SG401	Luận văn tốt nghiệp giáo dục tiểu học	10		10		300	≥105T C		I,II
79	SG351	Tiểu luận tốt nghiệp giáo dục tiểu học	4				120	≥105T C		I,II
80	SG233	Trò chơi sư phạm trong dạy học toán tiểu học	2			30		SG226		I,II
81	SG458	Mỹ thuật và phương pháp dạy học mỹ thuật	2			30				I,II
82	SG225	Âm nhạc và phương pháp dạy học âm nhạc	3			45				I,II

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện
83	SP072	Phân tích tác phẩm văn học dân gian trong nhà trường	2			30				I,II
84	SG400	Dạy học tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số	2			30				I,II
85	SG235	Dạy học chính tả ở tiểu học theo đặc điểm phương ngữ	2			30				I,II
Cộng: 63 TC (Bắt buộc: 49TC; Tự chọn: 14 TC)										
Tổng cộng: 141TC (Bắt buộc: 110 TC; Tự chọn: 31 TC)										

3. Kế hoạch dạy học

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tiết LT	Tiết TH	HP tiên quyết	Ghi chú
Học kỳ 1									
1	QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		30		Bố trí theo nhóm ngành	
2	QP007	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		30		Bố trí theo nhóm ngành	
3	QP008	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	3	3		20	65	Bố trí theo nhóm ngành	
4	QP009	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	1	1		10	10	Bố trí theo nhóm ngành	
5	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30			
6	SG221	Tiếng Việt giáo dục tiểu học 1	3	3		45			
		Cộng	13	13	0				
Học kỳ 2									
7	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		30			
8	TC100	Giáo dục thể chất 1,2,3 (*)	1+1+1		3		30		SV chọn
9	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		4	60			SV tự chọn
	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4						
	XH004	Pháp văn căn bản 1 (*)	4			45			
	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4						
10	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15			
11	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60		
12	SP061	Lý thuyết tập hợp và logic toán	2	2		30		SP009	
13	SG227	Cơ sở tự nhiên xã hội 1	2	2		30			
14	SG228	Cơ sở tự nhiên xã hội 2	2	2		30			
15	SP009	Tâm lý học đại cương	2	2		30			
		Cộng	21	14	7				
Học kỳ 3									
16	ML011 6	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2		45		ML014	
27	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3		3	45			SV tự chọn
	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45			
	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45			
	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3			45			
18	SG439	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	2		15	30	SP002	
19	SG394	Giáo dục hòa nhập	2	2		30			
20	SP103	Số học	2	2		30			
21	SG222	Tiếng Việt giáo dục tiểu học 2	3	3		45			
22	SG113	Tâm lý học sư phạm giáo dục tiểu học	2	2		30			
23	ML007	Logic học đại cương	2		2	30			SV tự

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tiết LT	Tiết TH	HP tiên quyết	Ghi chú
	XH028	Xã hội học đại cương	2		5	30			chọn
	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30			
	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30			
	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30			
	KN001	Kỹ năng mềm	2			30			
	SG011	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			30			
		Cộng	18	13					
Học kỳ 4									
24	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3		3	45		XH024	SV tự chọn
	XH006	Pháp văn căn bản 3 (*)	3			60		XH005	
25	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016	
26	SP049	Giáo dục học GDTH	3	3		45		SP113	
27	SG115	Hoạt động giáo dục trong nhà trường tiểu học	2	2		15	30		
28	SG120	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học GDTH	2		2	15	30	SG120	
29	SP076	Rèn luyện chữ viết - GDTH	2			30			
30	SG418	Lý luận dạy học giáo dục - Tiểu học	2	2		30			
31	SG114	Giáo dục so sánh và giáo dục bền vững	2	2		30			
32	SP132	Xác suất thống kê - GDTH	2	2		30			
33	SG011	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành GD&ĐT	2	2		30			
		Cộng	20	15	5				
Học kỳ 5									
35	SP597	Kiến tập sư phạm	2	2					
36	SG129	Sinh lý và bệnh lý trẻ em giáo dục tiểu học	2	2		30			
37	SP336	Phương pháp dạy học toán 1 - GDTH	2	2		30			
38	SP056	Phương pháp dạy học tiếng Việt giáo dục tiểu học 1	2	2		30			
39	SP199	Toán sơ cấp - GDTH	3	3		45			
40	SG430	Phát triển chương trình giáo dục tiểu học	2	2		30			
41	SG128	Môi trường và giáo dục môi trường ở tiểu học	2	2		30			
42	SG122	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm giáo dục tiểu học	2	2		30			
43	SG375	Phương pháp công tác đội giáo dục tiểu học	2	2		30			
		Cộng	19	19	0				
Học kỳ 6									
44	SG425	Văn học thiếu nhi	3	3		45			
45	SG224	Phương pháp dạy học tiếng Việt giáo dục tiểu học 2	3	3		45		SP056	
46	SG223	Kỹ thuật và phương pháp dạy học kỹ thuật giáo dục TH	2	2		30			
47	ML019	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018	
48	SG226	Phương pháp dạy học toán 2 - GDTH	3	3		45			
49	SG438	Phương pháp dạy học khoa học tự nhiên và xã hội	3	3		30			
50	SG127	Thực tế ngoài trường giáo dục tiểu học	1	1					
		Cộng	17	17					
Học kỳ 7									
51	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019	
52	SG123	Tập giảng Văn giáo dục tiểu học	2	2			60	SG224	

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tiết LT	Tiết TH	HP tiên quyết	Ghi chú
53	SG124	Tập giảng Toán giáo dục tiểu học	2	2			60	SG226	
54	SG116	Đánh giá kết quả học tập giáo dục tiểu học	2	2		15	30		
55	SP062	Đạo đức và phương pháp dạy học đạo đức	2	2		30			
56	SG399	Dạy học tác phẩm văn học theo thể loại - Tiểu học	2	2		30			
57	SP118	Anh văn chuyên ngành - GDTH	2	2		30			SV tự chọn
58	SG406	Dạy học trải nghiệm - Tiểu học	2	2		15	30		
59	SP071	Rèn kỹ năng thực hành Tiếng Việt	2		4	30			
60	SG234	Dạy học giải toán có lời văn ở tiểu học	2			30			SV tự chọn thay thế LVTN
	SP067	Bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học	2			30			
	SP069	Phát triển tư duy qua dạy toán	2			30			
		Cộng	20	16	4				
Học kỳ 8									
61	SP598	Thực tập Sư phạm	3	3			90	SP597, SG123,	
62	SG401	Luận văn tốt nghiệp giáo dục tiểu học	10		10		300	≥105TC	SV tự chọn làm LVTN, TLTN hoặc HP thay thế
	SG351	Tiểu luận tốt nghiệp giáo dục tiểu học	4				120	≥105TC	
	SG233	Trò chơi sư phạm trong dạy học toán tiểu học	2			30			
	SG458	Mỹ thuật và phương pháp dạy học Mỹ thuật	2			30			
	SG225	Âm nhạc và phương pháp dạy học âm nhạc GDTH	3			30			
	SP072	Phân tích tác phẩm văn học dân gian trong nhà trường	2			30			
	SG400	Dạy học tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số	2			30			
	SG235	Dạy học chính tả ở tiểu học theo đặc điểm phương ngữ	2			30			
		Cộng	13	3	10				
		Tổng	141	110	31				

4. Mô tả tóm tắt các học phần

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
1	QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	Đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Dành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
2	QP007	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	Được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng - an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, đánh bại chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống dịch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt nam.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
3	QP008	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	3	Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học một số kỹ năng cơ bản thực hành bắn súng ngắn, những kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự, Phòng chống dịch tiến công bằng VKCNC, rèn luyện bản lĩnh, sức khỏe qua các nội dung quân sự, luyện tập đội hình lớp, khối. Nội dung gồm: đội ngũ đơn vị (Cấp trung đội). Rèn luyện kỹ năng chiến đấu, chỉ huy chiến đấu, hiệp đồng chiến đấu trong tiến công, phòng ngự.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
4	QP009	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	1	Giới thiệu lịch sử, truyền thống quân, binh chủng, tổ chức lực lượng các quân, binh chủng, tham quan tìm hiểu các lịch sử, các đơn vị trong lực lượng vũ trang	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1	Học phần Giáo dục Thể chất không chuyên 1+2+3 là học phần chung tương ứng cho các học phần Giáo dục Thể chất sinh viên không chuyên ngành Giáo dục Thể chất phải học để hoàn thành chương trình đào tạo của ngành mình. Để hoàn thành học phần Giáo dục thể chất sinh viên không đăng kí học phần TC100 mà thay vào đó sinh viên phải đăng kí vào từng học phần cụ thể tùy theo khả năng và nhu cầu muốn học như: Học phần Taekwondo thì sinh viên đăng kí 03 học phần: Taekwondo 1(TC003),Taekwondo 2(TC004), Taekwondo 3,(TC019), các học phần Giáo dục Thể chất khác cũng tương tự...	Bộ môn Giáo dục Thể chất
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4	Chương trình môn Tiếng Anh căn bản 1 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về những thông tin cá nhân, gia đình, nơi ở, những vật dụng trong đời sống hàng ngày, các môn thể thao, các hoạt động trong thời gian rảnh và mua sắm cơ bản. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3	Chương trình môn Tiếng Anh căn bản 2 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về miền quê, thành phố các em yêu thích, ẩm thực, du lịch, thời trang, tiền bạc. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3	Chương trình môn Tiếng Anh căn bản 3 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về các thể loại phim ảnh, khoa học công nghệ, du lịch và môi trường tự nhiên. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4	Học phần Tiếng Anh tăng cường 1 (trong chương trình Tiếng Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam)	Khoa Ngoại ngữ
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3	Học phần Tiếng Anh tăng cường 2 (trong chương trình Tiếng Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility).	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam)	
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3	Học phần Tiếng Anh tăng cường 3 (trong chương trình Tiếng Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP Việt Nam)	Khoa Ngoại ngữ
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4	Nội dung học phần hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày, như giới thiệu bản thân, gia đình, nói về thói quen, sở thích, làm quen và giới thiệu một người nào đó, nói và viết về giờ theo cách thông dụng và hành chính v.v... Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học. Qua học phần này, sinh viên sẽ được làm quen với cách phát âm, ngữ điệu, bản mẫu tự của tiếng Pháp, biết cách chia động từ nhóm I, nhóm II và một số động từ nhóm III ở thời hiện tại, viết một số câu đơn giản	Khoa Ngoại ngữ
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3	Học phần tiếp tục trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Ngữ pháp, Ngữ âm, Từ vựng... của tiếng Pháp. Nội dung học phần hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như hỏi thông tin, giải thích, nhận lời mời hay từ chối, nói về ngày làm việc của mình, nói về kế hoạch tương lai... Sinh viên được làm quen với cách hỏi, đặt câu hỏi với các đại từ phức tạp hơn của tiếng Pháp, biết chia động từ nhóm I, nhóm II và một số động từ nhóm III ở thức mệnh lệnh, biết chỉ đường, định vị trong không gian.v.v.. Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học.	Khoa Ngoại ngữ
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3	Nội dung học phần tiếp tục hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như bàn về các ngày lễ, tết, ẩm thực, miêu tả người, đồ vật, quần áo, diễn đạt sự lựa chọn, số lượng, giới thiệu các thành viên trong gia đình, kể lại một câu chuyện quá khứ, v.v... Trong học phần	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				này, sinh viên được làm quen với các bài khoá từ 100 từ trở lên, các bài hội thoại dài hơn, viết các đoạn văn khoảng 100 từ, viết thư. Sinh viên có thể vận dụng những kiến thức về ngữ pháp vào bài viết của mình như phối hợp giống số danh từ, tính từ, chia các động từ ở thời quá khứ, phối hợp các thì ở thời quá khứ ... Sau khi học xong học phần, sinh viên cũng sẽ biết cách giải thích, biện luận đơn giản.	
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4	Nội dung học phần tiếp tục hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như giới thiệu các thành viên trong gia đình; làm quen với một người; kể lại những hoạt động thường ngày; miêu tả người, nơi ở; so sánh về số lượng hoặc chất lượng;... Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học.	Khoa Ngoại ngữ
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3	Học phần Pháp văn căn bản 5 cung cấp cho sinh viên một lượng nội dung kiến thức phong phú, đa dạng về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp nhằm giúp sinh viên phát triển một cách toàn diện bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết liên quan đến sáu chủ đề chính về thói quen ăn uống, thể thao, việc làm, giáo dục, giao tiếp và giải trí.	Khoa Ngoại ngữ
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3	Học phần Pháp văn căn bản 6 sẽ cung cấp cho sinh viên một lượng nội dung kiến thức phong phú, đa dạng về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp nhằm giúp sinh viên phát triển một cách toàn diện bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết liên quan đến sáu chủ đề chính về diễn đạt quan điểm khi nói, nói về những kỉ niệm, những chuyến du lịch, về thói quen, động lực cá nhân, tường thuật lại lời nói của người khác.	Khoa Ngoại ngữ
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	Môn học này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết lý thuyết cơ bản về công nghệ thông tin: khái niệm về thông tin, cấu trúc tổng quát của máy tính, hệ điều hành Windows, các lệnh và thao tác để soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail.	Khoa Khoa học Tự nhiên
19	TN034	TT.Tin học căn bản (*)	2	Bằng cách thông qua thực hành trên máy tính, sinh viên được rèn luyện các kỹ năng: Sử dụng hệ điều hành Windows, soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng 3 dụng Internet và E-mail. Trong phần thực hành cũng lồng ghép các kỹ năng viết báo cáo khoa học, kỹ năng soạn các bản trình bày trên các máy chiếu đa phương tiện.	Khoa Khoa học Tự nhiên
20	ML014	Triết học Mác-Lênin	3	Trong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về triết học Mác – Lênin. Bao gồm: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội, triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác	Khoa Khoa học Chính trị

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				– Lênin trong đời sống xã hội; Chủ nghĩa duy vật biện chứng: vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật và lý luận nhận thức; Chủ nghĩa duy vật lịch sử: học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, Nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người.	
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	Trong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về kinh tế chính trị Mác – Lênin bao gồm: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin; Hàng hóa thị trường và vai trò của các chủ thể khi tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.	Khoa Khoa học Chính trị
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Trong học phần này sinh viên sẽ nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về chủ nghĩa xã hội và thực tiễn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay. Nội dung chủ yếu của học phần tập trung vào một số vấn đề như: sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; liên minh giai cấp, tầng lớp; vấn đề dân tộc, tôn giáo; vấn đề về gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	Khoa Khoa học Chính trị
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Nội dung học phần trình bày về đường lối của Đảng CSVN từ năm 1930 đến nay. Qua đó, cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); Đường lối công nghiệp hóa; Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; Đường lối xây dựng, phát triển nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội; Đường lối đối ngoại.	Khoa Khoa học Chính trị
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Cùng với môn học Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và cách mạng nước ta, tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới. Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1 trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học, cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh.	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
25	KL001	Pháp luật đại cương	2	Học phần này được thiết kế giảng dạy cho sinh viên không chuyên Luật. Học phần giới thiệu những vấn đề lý luận cơ bản của học thuyết Mác-Lênin về nhà nước và pháp luật từ ngọn gốc, bản chất, hình thức, chức năng cũng như các kiểu nhà nước và pháp luật đã hình thành, tồn tại và phát triển qua các hình thái kinh tế xã hội khác nhau trong lịch sử nhân loại. Thêm vào đó, học phần cũng bao gồm việc nghiên cứu vị trí của nhà nước trong hệ thống chính trị, cấu thành Bộ máy nhà nước, các hệ thống cơ quan nhà nước. Khối lượng lớn kiến thức cơ bản thuộc các ngành luật thông dụng của Việt Nam cũng được giới thiệu như quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tội phạm, vi phạm pháp luật hành chính, quy định của pháp luật về kết hôn, ly hôn, thừa kế...	Khoa Khoa học Chính trị
26	ML007	Logic học đại cương	2	Học phần trang bị những tri thức của logic hình thức. Cung cấp những quy tắc và các yêu cầu của các quy luật cơ bản của tư duy như: Quy luật đồng nhất; Quy luật phi mâu thuẫn; Quy luật gạt bỏ cái thứ ba; Quy luật lý do đầy đủ. Và những hình thức cơ bản của tư duy như: Khái niệm; Phán đoán; Suy luận; Giả thuyết; Chứng minh; Bác bỏ và Ngụy biện. 7. Cấu trúc.	Khoa Luật
27	XH028	Xã hội học đại cương	2	Môn học nghiên cứu qui luật, tính qui luật của sự hình thành, vận động biến đổi mối quan hệ, tương tác qua lại giữa con người và xã hội. Đối tượng nghiên cứu của Xã hội học là các quan hệ xã hội, tương tác xã hội biểu hiện qua các hành vi giữa người với người trong các nhóm, các tổ chức, các hệ thống xã hội.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
28	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	Nội dung học phần bao gồm những kiến thức chung về văn hóa học và văn hóa Việt Nam, về hệ thống các thành tố, những đặc trưng và quy luật phát triển của văn hóa Việt Nam, các vùng văn hóa Việt Nam; phương pháp tiếp cận tìm hiểu và nghiên cứu những vấn đề của văn hóa Việt nam; rèn kỹ năng vận dụng kiến thức văn hóa học vào phân tích ngôn ngữ và tác phẩm văn học.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
29	XH012	Tiếng Việt thực hành	2	Học phần được thiết kế thành 4 chương. Mỗi chương gồm hai phần chính được biên soạn đan xen vào nhau: giản yếu về lý thuyết và hệ thống bài tập thực hành. Chương 1 tập trung vào vấn đề về chữ viết và chính tả. Chương 2 tập trung rèn luyện kỹ năng dùng từ. Tương tự, nội dung chương 3 là rèn luyện kỹ năng về câu. Chương 4, rèn luyện kỹ năng tạo lập và tiếp nhận văn bản.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
30	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2	Môn học Văn bản – Lưu trữ học nhằm trang bị kiến thức lý luận và thực tiễn về văn bản quản lý và tài liệu lưu trữ, giúp sinh viên nhận thức rõ vai trò của văn bản hành chính và tài liệu lưu trữ đối với công tác quản lý. Bên cạnh đó, môn học này còn giúp người học nắm vững phương pháp soạn thảo và quản lý khoa học các loại văn	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				bản hành chính, biết cách lựa chọn, phân loại văn bản để lưu trữ; biết cách tra tìm, sử dụng tài liệu lưu trữ để có thể làm tốt công tác quản lý ở trường học cũng như ở các cơ quan nói chung.	
31	KN001	Kỹ năng mềm	2	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và hướng dẫn rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho người học: lý năng giao tiếp, các nguyên lý chung về giao tiếp; các kỹ năng lắng nghe, nói và thuyết trình hiệu quả; kỹ năng làm việc nhóm đảm bảo sự hợp tác tốt trong học tập và làm việc; lý năng tư duy sáng tạo; lý năng quản lý thời gian; kỹ năng quản lý cảm xúc và kỹ năng tìm việc và phỏng vấn tuyển dụng.	Trung tâm tư vấn – hỗ trợ và khởi nghiệp sinh viên
32	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2	Nội dung của môn học tập trung vào những kiến thức tổng quan về sáng tạo, đổi mới và hình thành ý tưởng khởi nghiệp, hiểu biết cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ. Thêm vào đó, sinh viên còn được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về thị trường như đánh giá thể mạnh, cơ hội, đe dọa, rủi ro thương mại hóa sản phẩm từ ý tưởng kinh doanh, phát hiện tiềm năng kinh doanh và lập kế hoạch khởi nghiệp. Quan trọng hơn, sinh viên có cơ hội được chia sẻ kinh nghiệm khởi nghiệp từ các doanh nhân thành đạt và/hoặc tham quan mô hình khởi nghiệp thành công.	Trung tâm tư vấn – hỗ trợ và khởi nghiệp sinh viên
33	SP009	Tâm lý học đại cương	2	Học phần Tâm lý học đại cương giới thiệu cho sinh viên các vấn đề: Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học; Bản chất hiện tượng tâm lý con người, chức năng và các loại hiện tượng tâm lý người, các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý; Những cơ sở tự nhiên, cơ sở xã hội của tâm lý người; Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức về phương diện cá thể; Các quá trình nhận thức như cảm giác, tri giác, tư duy, tưởng tượng, trí nhớ, ngôn ngữ của con người và ứng dụng của các quá trình nhận thức vào trong hoạt động thực tiễn; Khái niệm và bản chất của nhân cách, các thuộc tính tâm lý nhân cách và các con đường hình thành nhân cách; Những sai lệch hành vi về mặt tâm lý trong sự phát triển nhân cách, nguyên nhân và biện pháp khắc phục chúng.	
34	SG011	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành GD&ĐT	2	Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính nhà nước và quản lý hành chính nhà nước về giáo dục – đào tạo, giúp người học Nâng cao năng lực và cải tiến công tác quản lý hành chính Nhà nước trong nhà trường và trong hoạt động giáo dục. Môn học cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về nhà nước, cơ chế tổ chức và nội dung quản lý hành chính nhà nước về giáo dục, từ đó giúp người học ý thức được những trách nhiệm của mình trong quá trình xây dựng nền hành chính tối ưu góp phần nâng cao chất lượng và công bằng giáo dục. Môn học chú trọng đến việc hình thành các kỹ năng nhận thức và vận dụng	

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				những kiến thức vào việc bồi dưỡng nhân cách người giáo viên; đồng thời góp phần hình thành các kỹ năng về quản lý học sinh, quản lý trường học... Các kỹ năng chủ yếu được hình thành thông qua các nội dung của môn học có sự lồng ghép của giảng viên.	
35	SG113	Tâm lý học sư phạm giáo dục tiểu học	2	Trang bị cho người học tri thức cơ bản về các lý thuyết phát triển tâm lý học sinh tiểu học, cơ sở tâm lý trong dạy học và giáo dục và những đặc trưng lao động sư phạm, cấu trúc nhân cách của người giáo viên nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ sở ngành sư phạm nhằm chuẩn bị cho sinh viên tham gia quá trình kiến tập và thực tập sư phạm và làm cơ sở cho việc rèn luyện nhân cách người giáo viên các kỹ năng sư phạm trong các học kỳ tiếp theo.	Khoa Sư phạm
36	SP049	Giáo dục học – GDTH	3	Học phần bao gồm hệ thống kiến thức chung về giáo dục con người được thể hiện cụ thể qua các nội dung như: Giáo dục học là một khoa học, giáo dục và sự phát triển nhân cách, mục đích, nhiệm vụ, các con đường giáo dục và nguyên lý giáo dục, hệ thống giáo dục quốc dân; hệ thống kiến thức chung về dạy học tiểu học như: Quá trình dạy học tiểu học, quy luật và nguyên tắc dạy học tiểu học, mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học tiểu học; hệ thống kiến thức chung về giáo dục hạnh kiểm cho học sinh tiểu học như: Quá trình giáo dục tiểu học, quy luật và nguyên tắc giáo dục tiểu học, mục tiêu, nội dung và phương pháp giáo dục tiểu học.	Khoa Sư phạm
37	SG394	Giáo dục hòa nhập	2	Học phần trang bị cho sinh viên tri thức khái quát chung về giáo dục hòa nhập, bao gồm: Đối tượng, nhiệm vụ của giáo dục hòa nhập, phương pháp nghiên cứu giáo dục hòa nhập, khái niệm giáo dục hòa nhập, tính tất yếu của giáo dục hòa nhập, các phương thức giáo dục trẻ khuyết tật; phân loại học sinh khuyết tật; dạy học hòa nhập bao gồm: Yêu cầu trong dạy học hòa nhập, điều chỉnh trong dạy học hòa nhập, thiết kế và thực hiện bài học hòa nhập, đánh giá kết quả dạy học hòa nhập. Hỗ trợ giáo dục hòa nhập bao gồm: nội dung hỗ trợ giáo dục hòa nhập, lực lượng hỗ trợ giáo dục hòa nhập.	Khoa Sư phạm
38	SG115	Hoạt động giáo dục trong nhà trường tiểu học	2	Nội dung học phần bao gồm các kiến thức liên quan đến công tác chủ nhiệm lớp và tổ chức hoạt động trải nghiệm bậc tiểu học: Kiến thức về tập thể học sinh tiểu học, công tác chủ nhiệm lớp và tổ chức hoạt động trải nghiệm bậc tiểu học. Đồng thời, nội dung học phần còn bao gồm các hoạt động thực hành nhằm bước đầu chuẩn bị cho sinh viên kỹ năng công tác chủ nhiệm lớp (kỹ năng xây dựng kế hoạch, kỹ năng tổ chức thực hiện, kỹ năng đánh giá các hoạt động công tác chủ nhiệm lớp và kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm) như: Kỹ năng xây dựng một số bản kế hoạch của công tác chủ nhiệm lớp và kỹ năng tổ chức một số hoạt động trải nghiệm.	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
39	SG116	Đánh giá kết quả học tập giáo dục tiểu học	2	Đánh giá kết quả học tập giáo dục tiểu học là một học phần bắt buộc, góp phần trang bị cho người học những kiến thức cốt lõi về đánh giá năng lực học sinh thông qua đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì. Học phần tạo cơ hội để người học phân tích được quy trình và các kĩ thuật đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì; tạo lập được những lời nhận xét hiệu quả cũng như thiết kế được các câu hỏi theo 4 mức độ, từ đó xây dựng được ma trận và đề kiểm tra định kì cho phù hợp với đặc điểm học sinh.	Khoa Sư phạm
40	SG439	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên một số nội dung cơ bản về NCKH nói chung và NCKH giáo dục nói riêng, như là: - Mục tiêu của một công trình nghiên cứu, - Kiến thức mới và cơ chế phát hiện ra kiến thức mới, 2 - Nghiên cứu mô tả và nghiên cứu giải thích, - Tìm kiếm tài liệu tham khảo và đánh giá độ tin cậy của tài liệu tham khảo - Chuẩn APA (American Psychological Association) trong việc trình bày tài liệu tham khảo (được UNESCO chọn lựa và khuyến dùng) - Kỹ thuật làm lược khảo tài liệu - Xây dựng được đề cương nghiên cứu.	Khoa Sư phạm
41	SG430	Phát triển chương trình giáo dục tiểu học	2	Học phần “phát triển chương trình giáo dục tiểu học” trang bị cho SV các kiến thức cơ bản về thiết kế CT cấp học và chương trình môn học, phục vụ cho việc xây dựng và phát triển chương trình giáo dục ở trường phổ thông trong tương lai. SV có khả năng vận dụng kiến thức về thiết kế CT để phân tích CTGDTH hiện hành ở trường phổ thông đồng thời có thể thiết kế được CT GDTH theo từng khối lớp khác nhau.	Khoa Sư phạm
42	SG418	Lý luận dạy học giáo dục Tiểu học	2	Lý luận dạy học Tiểu học cung cấp cho người học cái nhìn tổng quan về các vấn đề dạy học ở tiểu học như: quá trình dạy học, nguyên tắc dạy học, nội dung dạy học, PPDH và các hình thức tổ chức dạy học ở tiểu học. Từ đây, sinh viên có thể vận dụng một cách hiệu quả vào quá trình tác nghiệp ở nhà trường tiểu học.	Khoa Sư phạm
43	SG114	Giáo dục so sánh và giáo dục bền vững	2	Học phần cung cấp người học những khái niệm về Giáo dục so sánh; mục đích, nhiệm vụ và đối tượng của Giáo dục so sánh; nguyên tắc nghiên cứu Giáo dục so sánh; cách tiếp cận nghiên cứu so sánh giáo dục; kỹ thuật so sánh giáo dục; so sánh giáo dục Việt Nam với giáo dục một số nước trên thế giới. Khái niệm, mục tiêu, nội dung, nguyên tắc, mô hình và chỉ tiêu phát triển bền vững; những mâu thuẫn, thách thức nảy sinh trong quá trình phát triển của thế giới hiện đại; kinh nghiệm quốc tế về xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển bền vững; định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam; khái niệm, mục tiêu, nội dung và phương pháp giáo dục bền vững.	Khoa Sư phạm
44	SG120	Ứng dụng NCTT trong dạy học	2	Học phần giới thiệu công dụng của công nghệ thông tin trong dạy học Tin học. Qua học phần này, sinh viên còn có khả năng sử dụng các dịch vụ Web 2.0 và khai thác	

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
		học GDTH		các khóa học MOOC, Scratch trong hỗ trợ giảng dạy Tin học theo xu hướng dạy học hiện đại.	
45	SP076	Rèn luyện chữ viết - GDTH	2	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng thực hành viết chữ theo mẫu chữ của Bộ GD-ĐT quy định, từ đó, sinh viên có kỹ năng viết đúng và bước đầu viết đẹp, có sáng tạo. Học phần còn cung cấp các biện pháp, cách thức đặc thù trong việc luyện kỹ năng viết chữ; đồng thời hướng dẫn sinh viên thực hành thiết kế giáo án, quy trình, hoạt động luyện kỹ năng viết chữ cho học sinh tiểu học theo hướng phát huy tính tích cực, sáng tạo ở học sinh.	Khoa Sư phạm
46	SG123	Tập giảng Tiếng Việt giáo dục Tiểu học	2	Học phần Tập giảng Tiếng Việt giáo dục tiểu học trang bị cho SV kỹ năng soạn giáo án và thực hành giảng dạy để chuẩn bị đi thực tập sư phạm và dạy học ở trường tiểu học. SV được quan sát dự giờ bạn giảng, góp ý bài giảng của bạn và được bạn góp ý về tiết dạy của mình để rút kinh nghiệm giảng dạy	Khoa Sư phạm
47	SG124	Tập giảng toán giáo dục Tiểu học	2	Học phần Tập giảng toán ở tiểu học tạo điều kiện cho sinh viên Tiểu học thực hành dạy học tiết toán ở tiểu học. Từ đó, sinh viên tập dượt dần với việc dạy học toán ở tiểu học. Đặc biệt, sinh viên được tạo điều kiện để dạy học theo mô hình Vnen.	Khoa Sư phạm
48	SG127	Thực tế ngoài trường giáo dục tiểu học	1	Học phần Thực tế ngoài trường giáo dục Tiểu học được thiết kế để hướng dẫn sinh viên học thông qua trải nghiệm thực tế ngoài trường học nhằm gia tăng hiểu biết và trải nghiệm của bản thân về lịch sử, ngôn ngữ, đời sống văn hóa, địa lý, ngôn ngữ, phong tục tập quán ở các vùng miền trong cả nước và các nước trên thế giới. Từ hiểu biết này, sinh viên xác định rõ động cơ học tập, lòng tin yêu nghề và cảm hứng đối nghề nghiệp.	Khoa Sư phạm
49	SG128	Môi trường và Giáo dục môi trường ở tiểu học	2	Môi trường và giáo dục môi trường ở tiểu học góp phần trang bị cho người học những kiến thức cơ sở chung về môi trường; Đồng thời tạo điều kiện cho người học nghiên cứu, phân tích những nội dung, địa chỉ cụ thể được tích hợp, lồng ghép bảo vệ môi trường trong các môn học ở tiểu học; Từ đó, người học có thể tự thiết kế hoặc hợp tác thiết kế các hoạt động giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học thông qua các bài học trên lớp hoặc các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp đạt hiệu quả tối ưu; Qua các hoạt động người học nâng cao ý thức bảo vệ và giáo dục người khác bảo vệ môi trường.	Khoa Sư phạm
50	SG129	Sinh lý và bệnh lý trẻ em – Tiểu học	2	Học phần <i>Sinh lý và Bệnh lý trẻ em</i> chủ yếu cung cấp các kiến thức về sinh học cơ thể người gồm: (1) đặc điểm cấu tạo chung và nguyên lý hoạt động của cơ thể; (2) Cấu tạo và chức năng của các hệ cơ quan và (3) là các nội dung liên quan đến các rối loạn, các bệnh lý thường mắc phải ở trẻ nhỏ, đồng thời, hướng dẫn có bản cho giáo viên nhằm giúp cho học sinh có thể phòng ngừa và điều trị các bệnh này.	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
51	SP597	Kiến tập sư phạm	2	Kiến tập sư phạm là giai đoạn sinh viên tiếp cận với môi trường giáo dục ở trường phổ thông, mà cụ thể là quan sát, tìm hiểu các hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục học sinh cũng như các hoạt động xã hội của nhà trường. Sinh viên được nghe các báo cáo tình hình, cơ cấu tổ chức và hoạt động ở trường phổ thông; kinh nghiệm công tác giảng dạy và chủ nhiệm của một số giáo viên tiêu biểu. Ngoài ra, sinh viên còn được dự giờ giáo viên hướng dẫn chuyên môn và chủ nhiệm, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, phong trào thi đua lớp, tổ chức sinh hoạt đoàn, đội,... Từ đó, bước đầu hình thành tình cảm và ý thức nghề nghiệp cho sinh viên, tích lũy kinh nghiệm chuẩn bị cho giai đoạn thực tập sư phạm. Thời điểm kiến tập sư phạm thường là học kì I năm thứ ba. Hình thức kiến tập sư phạm là tập trung trong 3 tuần liên tục.	Khoa Sư phạm
52	SP598	Thực tập Sư phạm	3	Thực tập sư phạm là giai đoạn sinh viên thực hành những kiến thức về các môn khoa học chuyên ngành, kiến thức về khoa học giáo dục đã được học ở trường đại học. Học phần thực tập sư phạm là giai đoạn sinh viên được rèn luyện, thử thách về nhiều mặt: khả năng vận dụng linh hoạt kiến thức vào thực tế, năng lực sáng tạo, năng lực tổ chức, quản lí học sinh. Học phần này giúp sinh viên có cơ hội để tham gia vào các hoạt động chuyên môn ở nhà trường phổ thông, qua đó tiếp tục tăng cường tình cảm và ý thức nghề nghiệp. Thời điểm Thực tập sư phạm là học kỳ 8 năm thứ tư, bắt đầu vào đầu HK II và kéo dài 8 tuần liên tục. Hình thức sinh viên đi Thực tập sư phạm là tập trung. Sinh viên được xem là thành viên của trường phổ thông, sẽ chịu sự quản lí, phân công của trường thực tập.	Khoa Sư phạm
55	SP061	Lý thuyết tập hợp và logic toán	2	Học phần này cung cấp cho người học khái niệm về mệnh đề, các phép toán logic, các quy tắc suy diễn, nguyên lý quy nạp. Đồng thời, môn học này còn cung cấp cho người học khái niệm về tập hợp, các phép toán trên tập hợp. Từ đó, xây dựng khái niệm ánh xạ, ảnh và tạo ảnh, các loại ánh xạ. Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho người học các khái niệm quan hệ tương đương, quan hệ thứ tự, bản số và số thứ tự.	Khoa Sư phạm
54	SP103	Số học	2	Học phần cung cấp một số khái niệm cơ sở về việc xây dựng các cấu trúc về tập số, lý thuyết chia hết, lý thuyết đồng dư.... nhằm đưa ra cách xác định và ứng dụng các lý thuyết này để giải các bài toán về số học. Ngoài ra môn học này còn cung cấp các kiến thức về phương trình đồng dư và ứng dụng của nó.	Khoa Sư phạm
55	SP199	Toán sơ cấp – GDTH	3	Học phần Toán sơ cấp ôn lại cho sinh viên Tiểu học các kiến thức toán học phổ thông một cách cơ bản. Từ đó, sinh viên có thể vận dụng chúng để giải các bài toán ở tiểu học. Ngoài ra, sinh viên vận dụng kiến thức về phương trình, hệ phương trình để thấu hiểu được cách giải toán ở tiểu học. Kiến thức về hình học sơ cấp tạo cơ hội cho giáo sinh có kiến thức để liên hệ thực tế khi dạy học về mảng kiến thức này.	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
56	SP132	Xác suất thống kê – GDTH	2	Học phần này cung cấp cho người học khái niệm về xác suất, các công thức tính xác suất, biến ngẫu nhiên, luật phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên và một số luật phân phối xác suất đặc biệt. Đồng thời, học phần trang bị cho người học các bài toán cơ bản và quan trọng của thống kê: bài toán ước lượng tham số, bài toán kiểm định giả thiết thống kê.	Khoa Sư phạm
57	SG221	Tiếng Việt 1 Giáo dục tiểu học	3	Học phần gồm hai phần. Phần thứ nhất bao gồm những kiến thức đại cương về Ngôn ngữ và Ngôn ngữ học, như bản chất và chức năng của ngôn ngữ; nguồn gốc, quá trình và cách thức biến đổi và phát triển của ngôn ngữ nói chung, tiếng Việt nói riêng... Phần thứ hai bao gồm kiến thức cơ bản về ngữ âm và từ vựng tiếng Việt, như đặc điểm và cấu trúc âm tiết tiếng Việt, cấu tạo, khả năng kết hợp và sự thể hiện trên chữ viết của các hệ thống âm vị thuộc cấu trúc âm tiết; chính âm, chính tả và ứng dụng chúng trong dạy học tiếng Việt ở tiểu học; đặc điểm, cấu tạo từ và cụm từ cố định; phân loại từ xét trên một số bình diện; nghĩa của từ, phương thức chuyển nghĩa của từ; mối quan hệ ngữ nghĩa giữa các từ; phân biệt từ đa nghĩa và đồng âm;...	Khoa Sư phạm
58	SG222	Tiếng Việt 2 Giáo dục tiểu học	3	Học phần gồm hai phần. Phần thứ nhất bao gồm những nội dung về đặc điểm ngữ pháp tiếng Việt; hệ thống từ loại tiếng Việt; các cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ; câu tiếng Việt; thành phần câu, phân loại câu; từ loại và câu trong chương trình và sách giáo khoa tiểu học; văn bản, đoạn văn, liên kết trong văn bản. Phần thứ hai bao gồm khái niệm về phong cách học; các phong cách chức năng ngôn ngữ tiếng Việt hiện đại; các phương tiện và biện pháp tư từ ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp.	Khoa Sư phạm
59	SG425	Văn học thiếu nhi	3	Học phần <i>Văn học thiếu nhi</i> hệ thống hóa các kiến thức về tác gia, tác giả và tác phẩm văn học viết và văn học dân gian dành cho thiếu nhi trong và ngoài nước. Từ việc nghiên cứu, phân tích này, người học sẽ hình thành và phát triển năng lực đọc hiểu văn bản, năng lực viết và kỹ năng trình bày trước công chúng.	Khoa Sư phạm
60	SG399	Dạy học tác phẩm văn chương theo thể loại – Tiểu học	2	Học phần <i>Dạy học tác phẩm văn chương theo thể loại – Tiểu học</i> mô tả khái quát hóa các vấn đề về loại thể và thể loại văn bản; đặc điểm thể loại văn bản và phương pháp dạy đọc hiểu văn bản dựa vào đặc trưng thể loại. Từ đó, sinh viên thiết kế được các bài tập, kế hoạch dạy học trong hình thành và phát triển năng lực đọc cho học sinh tiểu học trong môn Tiếng Việt.	Khoa Sư phạm
61	SP056	Phương pháp dạy học Tiếng Việt 1 giáo dục tiểu học	2	Học phần <i>Phương pháp dạy học tiếng Việt 1 - Tiểu học</i> mô tả khái quát hóa các kiến thức và kỹ năng dạy học tiếng Việt mà người giáo viên tiểu học cần có như: các phương pháp nghiên cứu dạy học tiếng Việt, các cách tiếp cận dạy học ngôn ngữ và dạy học tiếng Việt cho học sinh tiểu học, phân tích chương trình tiếng Việt ở tiểu học và phương pháp dạy học tiếng Việt.	Khoa Sư phạm
62	SG224	Phương pháp dạy	3	Học phần <i>Phương pháp dạy học tiếng Việt 2 - Tiểu học</i> mô tả khái quát hóa các kiến thức và kỹ năng dạy học tiếng Việt	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
		học Tiếng Việt 2 giáo dục tiểu học		theo hướng phát triển năng lực; các phương pháp dạy học phát triển năng lực cho ngược học và vận dụng các phương pháp dạy học này vào thiết kế dạy đọc, viết, nói và nghe cho học sinh tiểu học.	
63	SG223	Kỹ thuật và PPDH kỹ thuật giáo dục Tiểu học	2	Học phần bao gồm những kiến thức về mục tiêu, nội dung chương trình, phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học và công cụ đánh giá kết quả học tập môn học; thực hành thiết kế kế hoạch bài học theo định hướng phát triển năng lực người học; tổ chức hoạt động theo chương trình và sách giáo khoa ở tiểu học. Bên cạnh đó, học phần trang bị cho người học một số kiến thức, kỹ năng thực hành hoàn thiện các sản phẩm như xé dán; cắt dán; đan thủ công; gấp giấy thủ công; gấp khăn giấy trang trí bàn tiệc; gói quà, làm nơ; làm hoa giấy; làm đồ chơi bằng vật liệu đơn giản; khâu thêu cơ bản.	Khoa Sư phạm
64	SP062	Đạo đức và Phương pháp dạy học Đạo đức	2	Học phần <i>Đạo đức và Phương pháp dạy học Đạo đức</i> , cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về Đạo đức học để làm nền tảng cho việc dạy học Đạo đức ở tiểu học, bao gồm nội dung cơ bản của một số phạm trù, giá trị đạo đức trong thời kì đổi mới; người học hiểu được tầm quan trọng của việc giáo dục đạo đức cho HS tiểu học và nắm được các con đường giáo dục đạo đức cho các em. Bên cạnh đó, người học hiểu và xác định được mục tiêu, nội dung, chương trình, phương pháp dạy học, phương tiện, hình thức tổ chức, phương pháp kiểm tra - đánh giá theo từng bài học đạo đức một cách thích hợp; trên cơ sở đó, có kỹ năng xác định được những con đường cơ bản của giáo dục đạo đức nói chung và theo từng chuẩn mực hành vi nói riêng cho HS tiểu học; tiến hành giờ lên lớp môn Đạo đức một cách chủ động, chất lượng. Người học hình thành thái độ coi trọng công tác giáo dục đạo đức HS tiểu học.	Khoa Sư phạm
65	SP336	Phương pháp dạy học toán 1 – GDTH	2	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 1 cung cấp cho người học cái nhìn tổng quan về các vấn đề dạy học Toán ở tiểu học như: quá trình dạy học Toán, nguyên tắc dạy học, nội dung dạy học, PPDH và các hình thức tổ chức dạy học Toán ở tiểu học. Từ đây, sinh viên có thể vận dụng một cách hiệu quả vào quá trình dạy học Toán ở nhà trường tiểu học.	Khoa Sư phạm
66	SG226	Phương pháp dạy học Toán 2- GDTH	3	Phương pháp dạy học Toán 2-GDTH góp phần trang bị cho người học những kiến thức chuyên ngành về dạy học môn Toán ở tiểu học theo hướng phát triển năng lực học sinh; định hướng cho người học một quan điểm đúng đắn về việc tổ chức hoạt động học-hoạt động dạy và hoạt động đánh giá theo yêu cầu của chương trình giáo dục mới. Đặc biệt sinh viên sẽ được thực hành vận dụng các phương thức và kỹ thuật dạy học một cách hiệu quả vào quá trình dạy học Toán ở nhà trường tiểu học.	Khoa Sư phạm
67	SG227	Cơ sở tự nhiên xã hội 1	2	Học phần <i>Cơ sở tự nhiên xã hội 1 (SG227)</i> trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vật lý, hóa học và sinh học. Giúp sinh viên có thể giảng dạy tốt các kiến	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				thức về tự nhiên, khoa học cho học sinh tiểu học.	
68	SG228	Cơ sở tự nhiên xã hội 2	1	Học phần <i>Cơ sở tự nhiên xã hội 2 (SG228)</i> mô tả tổng quan những kiến thức về lịch sử và Địa lí trong chương trình tiểu học; cập nhật những điểm mới của chương trình Giáo dục phổ thông.	Khoa Sư phạm
69	SG438	Phương pháp dạy học khoa học Tự nhiên và Xã hội	3	Phương pháp dạy học khoa học Tự nhiên và Xã hội góp phần trang bị cho người học những kiến thức chuyên ngành về dạy học các môn Tự nhiên và xã hội (lớp 1, 2, 3); Khoa học (lớp 4, 5); Lịch sử và Địa lí (lớp 4, 5) ở tiểu học theo hướng phát triển năng lực học sinh; định hướng cho người học một quan điểm đúng đắn về việc tổ chức hoạt động học-hoạt động dạy và hoạt động đánh giá theo yêu cầu của chương trình giáo dục mới. Đặc biệt sinh viên sẽ được thực hành vận dụng các phương thức và kĩ thuật dạy học một cách hiệu quả vào quá trình dạy học các môn tự nhiên và xã hội ở nhà trường tiểu học.	Khoa Sư phạm
70	SP118	Anh văn chuyên ngành - Giáo dục tiểu học	2	Học phần được xây dựng theo từng chủ đề nhằm cung cấp cho người học lượng từ cơ bản nhất bằng tiếng Anh về chuyên ngành Giáo dục tiểu học, cung cấp kiến thức ngữ pháp cơ bản và rèn luyện các kĩ năng nghe nói (chủ yếu là thuyết trình) và viết (học thuật). Học phần còn giúp người học rèn luyện kĩ năng đọc hiểu thông qua các bài đọc theo từng chủ đề. Các bài đọc này vừa cung cấp từ vựng, rèn luyện ngữ pháp thông qua các mẫu câu, vừa cung cấp kiến thức chuyên ngành. Mỗi bài đọc gắn liền với một chủ đề liên quan đến kiến thức chuyên ngành Giáo dục tiểu học, như Hệ thống giáo dục phổ thông nói chung và giáo dục tiểu học nói riêng; Các vấn đề liên quan đến trường học và việc học; Giới thiệu cấu trúc chương trình tiểu học; Phẩm chất người giáo viên tiểu học; Vấn đề quản lí lớp học; Đặc điểm học sinh tiểu học	Khoa Sư phạm
71	SG122	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm giáo dục tiểu học	2	Học phần này hệ thống hóa các kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên thông qua các hoạt động như giao tiếp ứng xử; xử lí tình huống sư phạm; thực hành các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết cũng như tìm hiểu về trường tiểu học (cơ cấu, tổ chức, hoạt động, nhiệm vụ, hồ sơ...)	Khoa Sư phạm
72	SG406	Dạy học trải nghiệm - Tiểu học	1	<i>Dạy học trải nghiệm - Tiểu học</i> là một học phần mới, bắt buộc, có ý nghĩa quan trọng trong việc trang bị cho người học những kiến thức cơ sở chung về trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm; Tạo điều kiện cho người học nghiên cứu, phân tích những nội dung, địa chỉ cụ thể có thể tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh trong các môn học ở tiểu học; Từ đó, người học có thể tự thiết kế hoặc hợp tác thiết kế các hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học thông qua các bài học trên lớp hoặc các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp đạt hiệu quả tối ưu.	Khoa Sư phạm
73	SG375	Phương pháp công tác đội giáo dục tiểu	2	Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về truyền thống lịch sử đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí minh, các công tác đội ở trường tiểu học. Từ đó, sinh viên thấy được vai trò vị trí của người tổng phụ trách đội	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
		hoc		để rèn luyện và phát triển các kỹ năng nghiệp vụ công tác đội. Sinh viên cũng có cơ hội rèn luyện các kỹ năng nghiệp vụ công tác đội thông qua các bài tập thực hành, tổ chức trò chơi, hát, múa, kể chuyện...	
74	SP071	Rèn kỹ năng thực hành Tiếng Việt	2	Học phần <i>Rèn kỹ năng thực hành tiếng Việt</i> góp phần bổ sung, nâng cao kiến thức và kỹ năng thực hành các kỹ năng tiếng Việt đọc, viết, nói và nghe, các biện pháp, cách thức tổ chức rèn kỹ năng thực hành tiếng Việt; đồng thời hướng dẫn sinh viên thực hành vận dụng hệ thống lý thuyết đó vào việc thiết kế các giáo án, quy trình, hoạt động luyện kỹ năng tiếng Việt cho học sinh tiểu học theo hướng phát triển năng lực.	Khoa Sư phạm
75	SG234	Day học giải toán có lời văn ở tiểu học	2	Các nội dung của môn học được trình bày dưới hình thức các chuyên đề (có 09 chuyên đề) của chương trình Toán học Lớp 4, Lớp 5 hiện hành. Mỗi chuyên đề đều có nêu nội dung kiến thức cơ bản cần nắm, sau đó phân các dạng bài tập, mỗi dạng như vậy đều có nêu các phương pháp giải và các ví dụ minh họa các phương pháp đó. Sau mỗi chuyên đề đều có các bài luyện tập.	Khoa Sư phạm
76	SP067	Phát triển năng lực cảm thụ qua dạy học văn	2	<i>Phát triển năng lực cảm thụ qua dạy học văn</i> nhằm trang bị cho SV những vấn đề về cảm thụ văn học, những biện pháp giúp SV phát triển năng lực cảm thụ các tác phẩm văn học ở nhiều thể loại khác nhau (tự sự, trữ tình, kịch...) cũng như cách tiến hành giúp HS cảm thụ tác phẩm một cách có nghệ thuật. SV làm quen với việc thiết kế các dạng bài tập để phát huy năng lực cảm thụ văn học của HS; đồng thời SV có cơ hội để trình bày những cảm nghĩ của mình về các tác phẩm văn học.	Khoa Sư phạm
77	SP069	Phát triển năng lực tư duy qua dạy học Toán	2	Học phần <i>phát triển năng lực tư duy qua dạy học Toán</i> đóng vai trò quan trọng trong việc làm rõ cơ sở lý luận của tư duy, năng lực tư duy Toán học-một trong những năng lực thành phần của năng lực Toán học trong chương trình môn Toán mới. Học phần tập trung chỉ ra các mức độ và biểu hiện của các năng lực tư duy Toán học của học sinh tiểu học và cách thức để phát triển các năng lực này, làm tiền đề để sinh viên có thể nghiên cứu, phát triển các năng lực đặc thù khác.	Khoa Sư phạm
78	SG401	Luận văn tốt nghiệp giáo dục tiểu học	10	Học phần <i>Luận văn tốt nghiệp</i> tạo điều kiện cho sinh viên Tiểu học có cơ hội tìm hiểu sâu về một chủ đề trong chuyên môn mà các em đã được học trước đó. Từ đó, SV tập dượt dần với việc nghiên cứu khoa học cho một đề tài cụ thể và tổ chức thực nghiệm đề tài.	Khoa Sư phạm
79	SG351	Tiểu luận tốt nghiệp giáo dục tiểu học	4	Học phần <i>Tiểu luận tốt nghiệp</i> tạo điều kiện cho sinh viên tiểu học có cơ hội tìm hiểu sâu về một chủ đề trong chuyên môn mà các em đã được học trước đó. Từ đó, sinh viên tập dượt dần với việc nghiên cứu khoa học cho một đề tài cụ thể và tổ chức thực nghiệm đề tài.	Khoa Sư phạm
80	SG233	Trò chơi sư phạm trong dạy học toán tiểu	2	Trò chơi sư phạm trong dạy học toán giới thiệu cho sinh viên Tiểu học những quan niệm về trò chơi trong dạy học toán, các nguyên tắc tổ chức trò chơi, qui trình tổ chức một trò chơi và các trò chơi mẫu trong dạy học các mạch	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
		hoc		kiến thức ở tiểu học.	
81	SG458	Mỹ thuật và PPDH mỹ thuật	2	Học phần này cung cấp cho sinh viên tiểu học một số kiến thức cơ bản về phương pháp vẽ theo mẫu, vẽ trang trí, vẽ tranh, tập nặn, và tạo dáng, tìm hiểu tác giả, tác phẩm mỹ thuật và tranh vẽ của thiếu nhi cùng với những hiểu biết phương pháp dạy học mỹ thuật theo hướng phát huy tính tự giác, tích cực học tập của người học. Song song đó, học phần giúp sinh viên hoàn hành được các bài tập vẽ theo mẫu, vẽ trang trí, vẽ tranh, tập nặn và tạo dáng trong chương trình, có kỹ năng giảng dạy vẽ theo mẫu, vẽ trang trí, vẽ tranh, tập nặn và tạo dáng trong chương trình, tổ chức, thực hiện được các hoạt động dạy - học nội, ngoại khoá về mỹ thuật ở bậc tiểu học. Sinh viên dần hình thành thị hiếu thẩm mỹ đúng đắn, biết thưởng thức, cảm thụ cái đẹp của tự nhiên và tác phẩm mỹ thuật.	Khoa Sư phạm
82	SG225	Âm nhạc và phương pháp dạy học âm nhạc	3	Học phần âm nhạc và phương pháp giáo dục âm nhạc chứa đựng những kiến thức cơ bản về nhạc lý, ký xướng âm, một số bài hát tiểu học và một số vấn đề về phương pháp giáo dục âm nhạc ở nhà trường tiểu học.	Khoa Sư phạm
83	SP072	Phân tích tác phẩm văn học dân gian trong nhà trường	2	Học phần này trang bị cho SV những hiểu biết về văn học dân gian và kỹ năng phân tích các tác phẩm dân gian. Cụ thể, sinh viên sẽ thực hành phân tích một số tác phẩm ca dao, truyện cổ tích, truyện cười, tục ngữ... điều này sẽ giúp sinh viên có cách lí giải, hướng dẫn học sinh tiểu học tiếp nhận tác phẩm văn học dân gian trong chương trình tiểu học dễ dàng, thuận lợi hơn.	Khoa Sư phạm
84	SG400	Dạy học tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số	2	Học phần <i>Dạy học Tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số</i> mô tả khái quát hóa phương pháp dạy học tiếng Việt với tư cách là ngôn ngữ thứ hai cho học sinh dân tộc thiểu số và vận dụng các phương pháp dạy học này vào dạy âm vần, dạy đọc, viết, nói và nghe cho học sinh dân tộc thiểu số.	Khoa Sư phạm
85	SG235	Dạy học chính tả ở tiểu học theo đặc điểm phương ngữ	2	Học phần này mô tả khái quát đặc điểm, nguyên tắc và phương pháp dạy học chính tả; đặc điểm chính tả theo vùng phương ngữ và cách tiếp cận lỗi chính tả do ảnh hưởng phương ngữ trong rèn lỗi chính tả cho học sinh tiểu học. Từ những hiểu biết nền tảng này, người học biết vận dụng biện pháp dạy học thích hợp vào dạy chính tả cho học sinh tiểu học.	Khoa Sư phạm

Đề cương chi tiết các học phần được đính kèm ở phần Phụ lục.

5. Phương pháp giảng dạy và học tập

- Phương pháp giảng dạy và học tập được lựa chọn trên cơ sở đáp ứng chuẩn đầu ra của môn học, mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo nhằm phát triển khả năng khám phá kiến thức, khả năng nhận thức và khả năng kiến tạo ra kiến thức mới của người học.

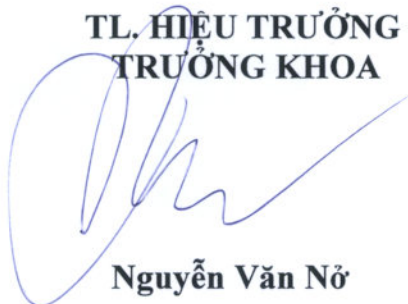
- Tùy thuộc vào nội dung từng học phần, mà giảng viên sử dụng các hình thức dạy học và phương pháp dạy học khác nhau. Đối với hình thức tổ chức dạy học thì có các hình thức như: dạy trực tiếp trên lớp học hay ngoài cộng đồng (tại những cơ sở sản xuất, kinh doanh, nông trại,...) hoặc dạy học trực tuyến. Đối với phương pháp dạy và học thì giảng viên thường sử dụng độc lập hoặc kết hợp nhiều phương pháp dạy và học đa dạng: phương pháp quan sát, phương pháp trải nghiệm thực tế, phương pháp dự án, phương pháp nghiên cứu tình huống, phương pháp giải quyết vấn đề, phương pháp thuyết trình, phương pháp tra cứu, phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp diễn giảng, đàm thoại gợi mở, minh họa thực hành, trò chơi, tự học độc lập, ...

6. Phương pháp đánh giá

- Phương pháp đánh giá lựa chọn phù hợp với nội dung học phần và phù hợp với phương pháp dạy và học đồng thời đảm bảo đo được chuẩn đầu ra mà chương trình đào tạo mong muốn người học đạt được. Có hai hình thức đánh giá người học được giảng viên sử dụng phổ biến trong quá trình đào tạo là đánh giá thường xuyên (đánh giá liên tục trong suốt quá trình đào tạo) và đánh giá định kỳ chia làm hai lần: đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Các phương pháp đánh giá bao gồm: trắc nghiệm, tự luận, bài kiểm tra ngắn, câu trả lời ngắn, ý kiến thảo luận, sản phẩm của nhóm, bài thuyết trình, hình vẽ, sơ đồ, bài viết, nhật ký học tập, kiểm tra thực hành, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, vấn đáp, báo cáo, khóa luận tốt nghiệp, ...
- Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

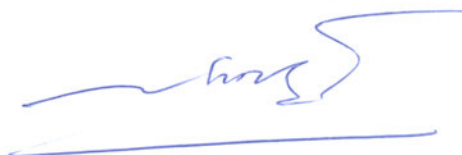
Cần Thơ, ngày 20 tháng 12 năm 2019

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA**



Nguyễn Văn Nở

Q. TRƯỞNG BỘ MÔN



Trịnh Thị Hương